

Bản án số: 1501/2026/DS-PT
Ngày: 06/8/2026
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 895/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2026/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3868/2026/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10990/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ: lô A đường số A, Cụm C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hứa Thị T, sinh năm 1968 hoặc ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1960 hoặc bà Trịnh Thị Thúy N, sinh năm 2001 hoặc bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 2003; cùng địa chỉ liên hệ: số A đường E, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2025); bà N có mặt, bà Hứa Thị T và bà Trần Thị Ngọc T1, ông C vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Mỹ L, sinh năm 1990; địa chỉ: đường T, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Anh L1, sinh năm 1998 hoặc bà Đào Võ Như N1, sinh năm 2002; cùng địa chỉ liên hệ: tầng 4, số A N, khu đô thị V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2025); bà N1 có mặt, ông L1 vắng mặt.

Người kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Mỹ L bắt đầu làm việc tại Công ty TNHH A (trước đây là Công ty TNHH T4 - sau đây viết tắt là Công ty) theo Hợp đồng thử việc số: HĐLĐ-T04585 ngày 03/4/2023. Sau thời gian thử việc 02 tháng, ngày 03/6/2023, Công ty và bà L ký Hợp đồng lao động số: HĐLĐ-T04585 và bà L chính thức làm việc tại Công ty từ ngày 03/6/2023. Chức danh chuyên môn: Giám đốc, bộ phận: Nhân sự. Thời hạn hợp đồng: 01 năm (từ ngày 03/6/2023 đến ngày 02/6/2024). Sau khi hết hạn hợp đồng, ngày 01/6/2024, Công ty và bà L ký tiếp Hợp đồng lao động số: T04585/2024-HĐLĐ/L2. Chức danh chuyên môn: Giám đốc, bộ phận: Quản lý nguồn lực. Thời hạn hợp đồng: 01 năm (từ ngày 01/6/2024 đến ngày 31/5/2025). Công việc của bà L tại Công ty là điều phối toàn bộ chiến lược nhân sự cho Công ty, từ việc tuyển dụng, đào tạo đến phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách lương thưởng, phúc lợi, đến tạo động lực, duy trì văn hóa doanh nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao và phù hợp, đáp ứng mục tiêu kinh doanh chung của Công ty, theo dõi hiệu suất và giữ chân nhân viên giỏi. Công việc của bà L xoay quanh vấn đề hành chính nhân sự của Công ty.

Sự việc xảy ra trong thời điểm bà L vẫn đang là nhân viên của Công ty và đang trong thời gian làm việc. Diễn biến sự việc diễn ra như sau: Ngày 31/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B do Phòng Cảnh sát Kinh tế tỉnh B trực tiếp đến kiểm tra đột xuất Công ty theo Quyết định kiểm tra số 109/QĐ-CAT-PC03 ngày 31/5/2024. Thời điểm này ông Pan Hao H – người đại diện theo pháp luật của Công ty đã đi công tác, không có mặt tại Công ty. Ông Pan Hao H không ký bất kỳ giấy ủy quyền cho cá nhân nào để tiếp Đoàn thanh tra (bao gồm cả bà L). Dù không được ông Pan H1 Howard ủy quyền, bà Trương Mỹ L vẫn tự ý thay mặt Công ty tiếp Đoàn thanh tra, không báo cáo với Công ty. Đoàn thanh tra có yêu cầu bà L xuất trình giấy ủy quyền để thay mặt Công ty làm việc với Đoàn thanh tra. Bà L không xuất trình được. Bà L hẹn xin bổ sung sau. Ngày 04/6/2024, Đoàn thanh tra đến kiểm tra lần 2 và yêu cầu bà L bổ sung giấy ủy quyền để làm việc. Bà L đã tự soạn thảo Giấy ủy quyền, giả chữ ký, giả chữ viết tên của ông Pan H1 Howard vào phần người ủy quyền trên giấy ủy quyền và cung cấp Giấy ủy quyền có giả chữ ký, chữ viết này để làm việc với Đoàn thanh tra. Bà L tự làm giả giấy tờ, tự tiếp Đoàn thanh tra mà không báo cho Công ty. Đoàn thanh tra sau khi tiếp nhận Giấy ủy quyền do bà L cung cấp (giấy ủy quyền giả mạo chữ ký của ông Pan Hao H) đã tiến hành làm việc với bà L. Ông Pan Hao H, Ban Lãnh đạo Công ty không biết được tất cả những gì đã xảy ra tại Công ty liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra. Ông Pan Hao H, Ban Lãnh đạo Công ty cũng không biết được có đoàn xuống kiểm tra Công ty. Tất cả những gì xảy ra ở Công ty đều do bà L tự dàn xếp, tự làm việc, tự thực hiện. Công ty và ông Pan Hao H cũng không hay biết gì về việc bà L giả chữ ký tên trên Giấy ủy quyền để cung cấp cho Đoàn thanh tra. Chỉ đến ngày 31/7/2024, khi Công ty nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2233/QĐ-XPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B thì Công ty mới biết được mọi việc. Bà L cũng không phải là người có quyền đại diện Công ty làm việc với Đoàn thanh tra. Ông Pan Hao H lẫn Công ty không đồng ý, không chấp nhận tất cả nội dung mà bà L đã gian dối, lừa dối, tự ý làm việc với Đoàn thanh tra. Bà L làm việc ở bộ phận nhân sự, không nắm hết được thiết kế kỹ thuật, cơ chế vận hành, sử dụng của các máy móc trong Công ty. Khi làm việc với Đoàn thanh tra, bà L đã trình bày thông tin sai lệch, không đúng với tình hình thực tế của Công ty. Tại thời điểm Đoàn thanh tra kiểm tra, bà L tự ý thay mặt Công ty thừa

nhận không đúng các nội dung về quy trình xử lý nước thải, khí thải, chất thải... của Công ty (dù bà L không am hiểu và công tác trong lĩnh vực này).

Từ việc vi phạm của bà L cố ý giả chữ ký, chữ viết của ông Pan Hao H, cố ý tiếp Đoàn thanh tra mà không thông báo cho Công ty, làm công việc không được Công ty ủy quyền, giao phó,... đã gây ra cho Công ty rất nhiều hậu quả, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của Công ty. Công ty đối diện mức phạt ngay sau đó là Công ty bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2233/QĐ-XPHC ngày 31/7/2024 với hình thức xử phạt chính là: Phạt tiền. Số tiền xử phạt: 350.000.000 đồng. Sau khi nhận được Quyết định xử phạt, khi phát hiện hành vi gian dối, sai trái và vi phạm của bà L, sau khi hậu quả ập tới với Công ty, Công ty B phải thuê Luật sư giải quyết hậu quả do bà L gây ra nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại cho Công ty. Cụ thể Công ty phải thuê Luật sư thuộc Công ty L2 – Cộng Sự theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 006/2024/HĐDVPL/CAREY ngày 08/10/2024 để thực hiện các công việc sau: *“Tư vấn và soạn thảo các loại đơn từ liên quan đến vụ việc theo quy định pháp luật; Cử đại diện nộp hồ sơ tố cáo bà Trương Mỹ L và làm việc với cơ quan có thẩm quyền khi có lịch mời. Cử đại diện liên hệ, làm việc với Công an Thành phố T, Công an tỉnh B và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có lịch mời liên quan đến hành vi của bà Mỹ L, liên quan Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2233QĐ-XPHC ngày 31/7/2024. Liên hệ, nộp hồ sơ với cơ quan có thẩm quyền để xin tạm ngưng đóng tiền phạt 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) theo Quyết định số 2233QĐ-XPHC ngày 31/7/2024 cho đến khi có phán quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, của Tòa án. Cử đại diện liên hệ, nộp hồ sơ khiếu nại tại Ủy ban nhân dân tỉnh B hoặc/và khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để yêu cầu Ủy ban, Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, tuyên hủy Quyết định số 2233QĐ-XPHC ngày 31/7/2024”*, và nhiều việc khác liên quan đến hành vi của bà L.

Tổng chi phí nội dung công việc giải quyết hậu quả mà Công ty phải bỏ ra để giải quyết hậu quả cho hành vi vi phạm của bà L là: 100.000.000 đồng. Trong đó có: Tiền thuê Luật sư: 80.000.000 đồng (căn cứ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 006/2024/HĐDVPL/CAREY ngày 08/10/2024; Ủy nhiệm chi; Thông báo giao dịch chuyển khoản ngày 30/5/2025 của Ngân hàng A1; Hóa đơn giá trị gia tăng số: 7, ký hiệu: IC25TYT ngày 30/5/2025). Tiền chi phí tố tụng, giám định chữ ký, chữ viết ông Pan Hao H trong quá trình giải quyết vụ việc là: 20.000.000 đồng (căn cứ Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số: 09/TB-TA ngày 03/03/2025 và Phiếu thu tạm ứng chi phí tố tụng ngày 05/03/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương).

Căn cứ khoản 3 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã hướng dẫn áp dụng rất cụ thể, chi tiết về vấn đề thiệt hại quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: *“...Thiệt hại do chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại là các chi phí cần thiết và phù hợp để: Ngăn chặn tài sản tiếp tục bị xâm phạm; Hạn chế thiệt hại phát sinh thêm; Khắc phục thiệt hại, sửa chữa tài sản; Khôi phục tài sản về trạng thái ban đầu (nếu có thể). Và chi phí này phải là chi phí thực tế và hợp lý, có chứng từ hoặc tài liệu chứng minh...”*. Căn cứ theo Điều 168 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì chi phí thuê luật sư là một trong các chi phí trong tố tụng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp

đồng đã hướng dẫn áp dụng khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015, xác định điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đó là: “*Có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác; Có thiệt hại xảy ra là thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần; Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại.*”. Nhận thấy hành vi của bà L được thực hiện bởi lỗi cố ý, hành vi vi phạm của bà L gây ra thiệt hại cho Công ty rất lớn, thiệt hại đã phát sinh trên thực tế, giữa hành vi và hậu quả có mối quan hệ nhân quả với nhau. Do đó, chi phí liên quan đến việc giải quyết, khắc phục hậu quả do bà L gây ra trong vụ án này là chi phí hợp lý. Và trên thực tế, sau khi Công ty bỏ tiền thuê Luật sư để giải quyết vụ việc này thì hậu quả đã được khắc phục, vụ việc đã được giải quyết thành công, ngày 17/3/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số: 765/QĐ-HB về việc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2233/QĐ-XPHC ngày 31/07/2024. Như vậy, chi phí thuê Luật sư trong trường hợp này cũng được xem là chi phí cần thiết, hợp lý và phù hợp để giải quyết và khắc phục thiệt hại từ hành vi vi phạm của bà L gây ra. Đây là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bà L đối với Công ty.

Nhận thấy, hậu quả do hành vi của bà L gây ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty, làm cho Công ty bị thiệt hại số tiền: 80.000.000 đồng (chi phí nhằm ngăn chặn, khắc phục, giải quyết thiệt hại – chi phí thuê luật sư). Hành vi vi phạm của bà L là nguyên nhân chính gây ra thiệt hại cho Công ty. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền chi phí tố tụng, giám định chữ ký, chữ viết ông Pan Hao H là 20.000.000 đồng.

Do đó, Công ty TNHH A (trước đây là Công ty TNHH T4) đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Trương Mỹ L có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH A số tiền 80.000.000 đồng.

- Bị đơn trình bày:

Công ty khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với số tiền 80.000.000 đồng là không có căn cứ:

Thứ nhất: Nội dung trình bày của Công ty là không đúng sự thật khách quan khi cho rằng bị đơn đã cố ý gây thiệt hại, việc Công ty bị Phòng C - Công an tỉnh B kiểm tra đột xuất và phát hiện một số sai phạm về môi trường là có thật. Buổi kiểm tra diễn ra công khai tại trụ sở ở Cụm C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên hầu hết nhân sự và lãnh đạo của Công ty đều biết, buộc phải biết và nắm bắt được sự việc ngày hôm đó nên Công ty cho rằng bị đơn tự dấn xép, không báo cáo là sai sự thật. Ông Pan Hao H (đại diện theo pháp luật) thường xuyên không có mặt tại Việt Nam nên hầu hết mọi việc đều do ông Zhang Xiao J (Phó Tổng Giám đốc) quản lý, điều hành, ký hồ sơ. Khi Đoàn kiểm tra đến, bà Trương Mỹ Lng Mỹ Linh ngay lập tức gọi điện thoại cho ông Zhang Xiao J (thông qua Z) để trao đổi và báo cáo tình hình, cũng thống nhất làm việc bình thường với Đ. Đoàn tiến hành kiểm tra trực tiếp tại Công ty và đồng ý sẽ bổ sung ủy quyền sau. Tại buổi kiểm tra ngày 31/5/2024, có sự tham gia của đại diện các đơn vị trong Công ty gồm ông Lữ Thành Dnh Dân (Trưởng bộ phận Hành chính phụ trách mảng phòng cháy chữa cháy và môi trường), các nhân sự của Phòng Hành chính tham gia chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và bộ phận bảo trì tham gia dẫn đoàn kiểm tra thực địa. Ngay ngày hôm sau (ngày 01/6/2024), bị đơn đã báo cáo trực tiếp với ông Z1 Xiao Jin về tình hình làm việc với Đoàn cũng như những lỗ hổng pháp lý mà Công ty đang mắc phải (đoạn trao đổi tin nhắn ngày 26/9/2024 cũng có nhắc lại việc này), tuy nhiên đây là vấn đề nhạy cảm nên chỉ

làm việc trực tiếp và rất hạn chế việc trao đổi tin nhắn qua lại. Ông Zhang Xiao J đã chỉ đạo bà L liên hệ với đơn vị thu mua củi vụn thời điểm đó là Công ty T5 can thiệp hỗ trợ xử lý vấn đề đang gặp phải và ông Lữ Thành Dnh Dân đã liên hệ với Công ty T5 lên 123 để làm việc. Đến ngày 04/6/2024, Đ tiếp tục làm việc tại Công ty, chỉ làm việc trong phòng họp, phía Công ty có bà L và ông Lữ Thành D tham gia, ngoài ra còn có 02 nhân sự của Phòng Hành chính thời điểm đó là N2 và Thanh T2 tham gia chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của Đ. Bà L có trình bày là ủy quyền của Công ty sẽ do ông Zhang Xiao J (Phó Tổng Giám đốc) ký nhưng đại diện phía Đoàn không đồng ý. Lúc này, đồng chí công an tên Nguyễn Văn T3 có gửi cho bà L mẫu giấy ủy quyền và yêu cầu thực hiện theo mẫu này, bà L có chuyển tiếp vào nhóm chung và một lát sau các bạn nhân sự mang giấy ủy quyền vào. Việc ai đã thực hiện việc ký tên, đóng dấu trên giấy ủy quyền, bà L hoàn toàn không chỉ đạo hay can thiệp. Phía bị đơn đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong mọi việc, không có bất cứ hành vi vi phạm nào. Việc tiến hành kiểm tra đột xuất, phát hiện những tồn tại và ghi nhận là thẩm quyền đương nhiên và chủ động của cơ quan chức năng, dù có hay không có đại diện Công ty thì cơ quan chức năng vẫn sẽ tiến hành làm việc theo quy định, đây không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính.

Thứ hai: Đoàn kiểm tra kết luận Công ty không có giấy phép môi trường, không đăng ký việc sử dụng lò hơi với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định; Đoàn kiểm tra còn ghi nhận Công ty không bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định. Đây là những tồn tại thực tế, khách quan mà Đoàn kiểm tra trực tiếp ghi nhận. Công ty cho rằng bị đơn trình bày thông tin sai lệch là không đúng với tính chất của hành vi mà Đoàn kiểm tra phát hiện. Những hành vi này không cần sự trình bày của ai mà là tồn tại thực tế đang diễn ra tại thời điểm đó. Hơn nữa, các bộ phận khác cũng tham gia nên chỉ quy trách nhiệm cho bị đơn là vô lý, việc xác định những hành vi nêu trên hoàn toàn là sự chủ động của Đoàn kiểm tra, bị đơn không thể can thiệp vào vấn đề này.

Thứ ba: Công ty cho rằng bị đơn có vi phạm khi đang làm việc tại Công ty T6 phải xem xét xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất theo pháp luật lao động chứ không phải yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tuy nhiên, bị đơn chưa từng bị xử lý kỷ luật lao động hay chịu bất kỳ trách nhiệm nào. Quyết định thôi việc số T04585-11/2024/QĐTV ngày 26/10/2024 của Công ty ban hành không đề cập đến bất kỳ trách nhiệm nào của bị đơn nhưng đến nay lại khởi kiện là mâu thuẫn. Đồng thời, chưa có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào kết luận bị đơn có vi phạm và gây thiệt hại cho Công ty, do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty là hết sức vô lý và không có cơ sở.

Thứ tư: Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 03/2025/QĐST-HC ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương là do Công ty tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2233/QĐ-XPHC ngày 31/07/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B cũng đã bị hủy bỏ, Công ty không phải thi hành bất cứ nghĩa vụ nào nên không phát sinh thiệt hại về tài sản, do đó yêu cầu bồi thường là không có căn cứ. Công ty ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý thuê Luật sư để tiến hành các thủ tục khởi kiện vụ án hành chính là quyền lựa chọn, không phải nghĩa vụ, Công ty có quyền tự bảo vệ, đây không phải là chi phí bắt buộc, cần thiết và hợp lý. Hơn nữa, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP không quy định chi phí thuê Luật sư là một thiệt hại và yếu tố được bồi thường, do đó không có cơ sở cho yêu cầu này. Công ty cho rằng chi phí thuê Luật sư là chi phí tố tụng là không chính xác, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 không quy định, căn cứ pháp lý mà Công ty đưa ra là không phù hợp.

Thứ năm: Công ty T7 đã ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty L2 và Cộng sự. Ủy nhiệm chi ngày 10/10/2024 tại Ngân hàng A1 – Chi nhánh B1 thanh toán 60.000.000 đồng cho người thụ hưởng là Công ty Luật TNHH Nguyễn Minh C và Cộng sự. Tuy nhiên, Hóa đơn giá trị gia tăng số 07 ngày 30/05/2025 lại do Công ty L3 và Cộng sự phát hành với số tiền (bao gồm cả VAT) là 86.400.000 đồng.

Xét thấy, bị đơn hoàn toàn không có lỗi, không có hành vi vi phạm, bị đơn không có hành vi trực tiếp gây ra thiệt hại cho Công ty và không có thiệt hại xảy ra, đồng thời các căn cứ mà Công ty đưa ra không có chứng cứ chứng minh và không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2026/DS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc yêu cầu bị đơn bà Trương Mỹ L bồi thường thiệt hại số tiền chi phí thuê luật sư là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/4/2026 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo chứng cứ có tại hồ sơ và thừa nhận của các đương sự, tại thời điểm xảy ra sự việc vào ngày 04 tháng 6 năm 2024, bà L đang là nhân viên của Công ty và bà L có làm việc với Đoàn thanh tra của Phòng C - Công an tỉnh B. Công ty đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt số tiền 350.000.000 đồng theo Quyết định số 2233/QĐ-XPHC ngày 31 tháng 7 năm 2024 (Quyết định số 2233). Ngày 17 tháng 3 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số: 765/QĐ-HB về việc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2233/QĐ-XPHC ngày 31 tháng 7 năm 2024 (Quyết định số 765). Tại Quyết định số 2233 thể hiện Công ty bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt về hành vi: “*Công ty TNHH T4 xả trái phép nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của Cụm C*”, tại Quyết định số 765 cũng thể hiện: “*Lý do hủy bỏ Quyết định số 2233/QĐ-XPHC ngày 31/7/2024: Tài liệu cung cấp để xử lý vụ vi phạm hành chính là giả mạo*”. Như vậy, việc cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử phạt đối với Công ty C1 trên hành vi vi phạm thực tế của Công ty, không dựa trên ý kiến làm việc với bà L và việc hủy bỏ Quyết định xử phạt do vi phạm về thủ tục xử phạt chứ không phải do xử phạt sai. Do đó, nguyên đơn cho rằng

bị đơn không có thẩm quyền cung cấp thông tin cho Đ. thanh tra dẫn đến Công ty bị xử phạt là không có căn cứ.

[2] Công ty cho rằng đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2233/QĐ-XPHC ngày 31 tháng 7 năm 2024 nên phải chi số tiền 80.000.000 đồng thuê luật sư là chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại. Xét thấy, tại Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, cũng như Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định: “...*Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được của chủ thể bị xâm phạm, bao gồm tổn thất về tài sản mà không khắc phục được; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút do tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp khác bị xâm phạm*”.

Đối chiếu quy định trên với trường hợp của Công ty, Công ty thực hiện việc khởi kiện, khiếu nại đối với Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và việc Công ty thuê Luật sư là chi phí tự nguyện của Công ty nhằm được hỗ trợ pháp lý, không phải là chi phí bắt buộc, không phải là thiệt hại do hành vi của bà L gây ra. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự hay khoản 3 Điều 369 của Luật Tố tụng hành chính cũng quy định: “*Chi phí cho người phiên dịch, luật sư do người có yêu cầu chịu, trừ trường hợp các bên đương sự có thỏa thuận khác*”. Do đó, việc Công ty thuê luật sư để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì Công ty phải tự chịu chi phí.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do người lao động gây ra, đây là tranh chấp giữa người sử dụng lao động với người lao động, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp là quan hệ dân sự là không đúng nhưng về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có căn cứ. Do đó, vi phạm trong việc xác định quan hệ tranh chấp trên không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần hủy án.

[4] Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH A.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2026/DS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0022059 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP (12), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết